

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1559/QĐ-ĐHTM ngày 28 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị nhân lực
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Human Resource Management
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Định hướng: Nghiên cứu
Ngành đào tạo: Quản trị nhân lực Mã ngành: 8340404
Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo người học trình độ thạc sĩ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cập nhật, nâng cao về quản trị - quản lý và kiến thức nâng cao, chuyên sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng quản trị nhân lực thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn thuộc quản trị nhân lực. Đồng thời có khả năng phát triển kiến thức mới và tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Tư duy phản biện, phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản.

- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ngành quản trị nhân lực (quản trị nhân lực, quan hệ lao động, quản lý nhà nước về lao động, tiêu chuẩn lao động quốc tế, kinh tế nguồn nhân lực,...).

- Kiến thức liên ngành và kiến thức chung về quản trị - quản lý cập nhật, nâng cao (lãnh đạo và quản lý, quản trị vận hành, quản trị chiến lược, quản trị dự án đầu tư, quản trị sự thay đổi, quản trị tài chính nâng cao, quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp, quản lý công, kinh tế vĩ mô, dân số và phát triển...).

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học;

- Kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức về quản trị nhân lực, quản lý lao động dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và những người khác.

- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến (kỹ năng hoạch định, tổ chức triển khai, đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, dự án R&D trong việc thu hút, duy trì, phát triển và sử dụng nhân lực; kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng để tạo lập, duy trì, phát triển và giải quyết xung đột, tranh chấp, đình công trong quan hệ lao động của tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh mới; tham mưu

và ra quyết định trong việc xây dựng, tổ chức thực thi các công cụ quản lý nhà nước về lao động).

- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp quản trị nhân lực.

- Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt chuẩn tương đương B1 Khung tham chiếu Châu Âu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định).

2.3. Thái độ

- Tư tưởng chính trị vững vàng, tán thành và tự giác phấn đấu theo mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

- Đạo đức nghề nghiệp vị xã hội, nhân bản, nhân văn, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc; Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân;

- Tác phong chuyên nghiệp, biết lắng nghe, có ý thức hợp tác làm việc; hăng say trong công việc, có tinh thần học hỏi, xây dựng và chia sẻ với tinh thần đồng đội

- Bản lĩnh, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chịu được áp lực công việc.

3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học:

- Thuộc ngành đúng (ngành Quản trị nhân lực) không phải học bổ sung kiến thức.

- Thuộc ngành gần (các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý, mã 83404) phải học 2 học phần để bổ sung kiến thức: Quan hệ lao động (3TC), Hoạch định nguồn nhân lực (3TC).

- Thuộc các ngành đào tạo khác khác (bằng tốt nghiệp đại học thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ) phải học bổ sung kiến thức 5 học phần: Kinh tế vĩ mô 1 (3TC), Kinh tế vi mô 1 (3TC), Quan hệ lao động (3TC), Hoạch định nguồn nhân lực (3TC), Trả công lao động (3TC).

- Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài / chương trình liên kết quốc tế, Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

4. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Khái quát chương trình

Tổng số tín chỉ tích lũy:	60 tín chỉ
Kiến thức chung:	6 tín chỉ
Kiến thức ngành:	12 tín chỉ (BB: 06 tín chỉ; TC: 06 tín chỉ)
Kiến thức chuyên ngành:	18 tín chỉ (BB: 06 tín chỉ; TC: 12 tín chỉ)
Nghiên cứu khoa học:	09 tín chỉ
Luận văn:	15 tín chỉ

6.2. Cấu trúc chương trình

STT	Tên học phần	SỐ TC	CẤU TRÚC
1	KIẾN THỨC CHUNG	6	
1	Triết học	4	42,18
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20,10
2	KIẾN THỨC NGÀNH	12	
2.1	Các học phần bắt buộc	6	
1	Quản lý nhà nước về lao động	2	20,10
2	Kinh tế nguồn nhân lực	2	20,10
3	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	2	20,10
2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 HP sau)	6	
1	Dân số và phát triển	2	20,10
2	Quản trị vận hành	2	20,10
3	Quản lý công	2	20,10
4	Kinh tế vĩ mô	2	20,10
5	Luật kinh tế nâng cao	2	20,10
6	Quản trị thị trường chiến lược	2	20,10
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	18	
3.1	Học phần bắt buộc	6	
1	Quản trị nhân lực	2	20,10
2	Quan hệ lao động	2	20,10
3	Lãnh đạo và quản lý	2	20,10
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 6 trong 12 HP sau)	12	
1	Quản trị chiến lược	2	20,10
2	Chiến lược chuỗi cung ứng	2	20,10
3	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	2	20,10
4	Quản trị dự án đầu tư	2	20,10
5	Quản trị dịch vụ nâng cao	2	20,10
6	Quản trị sự thay đổi	2	20,10
7	Quản trị tài chính nâng cao	2	20,10
8	Quản trị quan hệ khách hàng	2	20,10
9	Thương mại và đầu tư quốc tế	2	20,10
10	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	2	20,10
11	Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	2	20,10
12	Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	2	20,10
4	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	9	
5	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	
	Tổng số tín chỉ	60	

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo (xem Phụ lục kèm theo).

7. Kế hoạch đào tạo

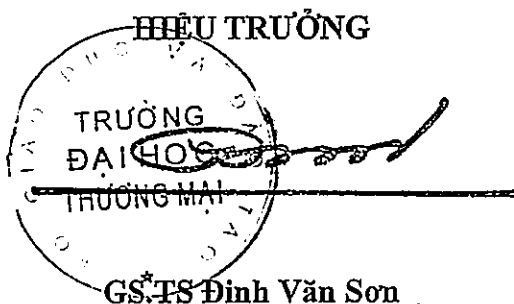
STT	Kỳ học (số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên/chuyên ngành
1	Kì thứ nhất	- Khối kiến thức chung (6TC) + Triết học (4TC)	1. PGS.TS Phương Kỳ Sơn/Triết học

	(6TC)		2. TS. Tạ Thị Vân Hà/Triết học 3. TS. Đặng Minh Tiến/Triết học
		+ Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)	1. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị 2. TS Phạm Thị Minh Uyên/Kinh tế tri thức
		<i>- Kiến thức cơ sở ngành (12TC)</i>	
		+ Quản lý nhà nước về lao động (2TC)	1. PGS.TS Phạm Công Đoàn/Quản lý kinh tế 2. TS. Đinh Thị Hương/Thương mại 3. PGS.TS Bùi Hữu Đức/Quản trị kinh doanh
		+ Kinh tế nguồn nhân lực (2TC)	1. PGS.TS Phạm Công Đoàn/Quản lý kinh tế 2. TS. Đinh Thị Hương/Thương mại
		+ Tiêu chuẩn lao động quốc tế (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại
		+ 3 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (6TC) - Chọn 3 trong 5 học phần sau:	
		+ Dân số và phát triển (2TC)	1. PGS.TS. Phan Thế Công/Quản lý Kinh tế 2. TS. Trần Việt Thảo/Quản lý Kinh tế
		+ Quản trị vận hành (2TC)	1. PGS.TS. Trần Văn Trang/Khoa học quản lý 2. TS. Trần Kiều Trang/Thương mại
		+ Quản lý công (2TC)	1. PGS.TS Phạm Thị Tuệ/Kinh tế 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền /Quản lý kinh tế
		+ Kinh tế vĩ mô (2TC)	1. PGS.TS Phạm Thị Tuệ/Kinh tế 2. TS. Phan Thế Công/Quản lý kinh tế 3. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền/Quản lý kinh tế 4. TS. Trần Việt Thảo/Quản lý kinh tế 5. TS Lê Mai Trang/Quản lý kinh tế
		+ Luật kinh tế nâng cao (2TC)	1. PGS. TS. Trần Thị Thu Phương/Luật về quan hệ kinh tế quốc tế 2. TS. Trần Thành Thọ/Luật kinh tế 3. TS. Nguyễn Thị Tình/Pháp luật kinh tế 4. TS Đinh Thị Thanh Thủy/Pháp luật kinh tế
		<i>- Kiến thức chuyên ngành (4TC)</i>	
		+ Quản trị nhân lực (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Quản trị nhân lực 3. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại
		+ Quan hệ lao động (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Quản trị nhân
2	Kì thứ hai (16TC)		

		lực	
3	Kì thứ ba (14TC)	- Phần còn lại của kiến thức chuyên ngành (14TC)	
		+ Lãnh đạo và quản lý (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/Kinh tế 2. PGS.TS Trần Hùng/Kinh tế 3. PGS.TS Bùi Hữu Đức/Quản trị kinh doanh 4. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân/Thương mại 5. GS.TS Phạm Vũ Luận/Kinh tế học 6. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 7. TS. Nguyễn Thanh Hải/Quản lý kinh tế 8. TS Phạm Trung Tiến/Kinh tế
		+ 06 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành (12TC) - Chọn 06 học phần trong 12 học phần sau:	
		+ Quản trị chiến lược (2TC)	1. TS Đỗ Thị Bình/Thương mại 2. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Long/Thương mại 3. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Việt/Thương mại 4. PGS,TS. Nguyễn Hoàng/Thương mại 5. PGS,TS. Nguyễn Đức Nhuận/Thương mại 6. TS Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt/Thương mại 7. TS Nguyễn Thị Uyên
		+ Chiến lược chuỗi cung ứng (2TC)	1. PGS.TS An Thị Thanh Nhân/Kinh tế 2. PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T)/Kinh tế 3. TS Lục Thị Thu Hường/Kinh tế
		+ Ứng dụng TMDT trong doanh nghiệp (2TC)	1. TS. Chử Bá Quyết/Kinh doanh thương mại 2. PGS,TS. Nguyễn Văn Minh (I)/Kinh tế 3. TS. Trần Hoài Nam/Kinh doanh thương mại 4. TS. Nguyễn Trần Hưng/Kinh doanh thương mại
		+ Quản trị dự án đầu tư (2TC)	1. TS. Trần Văn Trang/Khoa học quản lý 2. TS. Trần Kiều Trang/Thương mại
		+ Quản trị dịch vụ nâng cao (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng/Kinh tế 2. TS. Trần Thị Bích Hằng/Thương mại 3. PGS.TS Bùi Xuân Nhân/Kinh tế 4. TS. Nguyễn Hóa/Kinh tế
		+ Quản trị sự thay đổi (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/Kinh tế 2. PGS.TS Trần Hùng/Kinh tế 3. PGS.TS Bùi Hữu Đức/Quản trị kinh doanh 4. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân/Thương mại 5. GS.TS Phạm Vũ Luận/Kinh tế học

			6. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 7. TS. Nguyễn Thanh Hải/Quản lý kinh tế 8. TS Phạm Trung Tiến/Kinh tế
		+ Quản trị tài chính nâng cao (2TC)	1. TS. Phạm Tuấn Anh/Thương mại 2. TS Nguyễn Thị Minh Thảo /Tài chính
		+ Quản trị quan hệ khách hàng (2TC)	1. PGS.TS. Phan Thị Thu Hoài/Kinh tế 2. PGS. TS. Phạm Thúy Hồng/Kinh tế và quản lý 3. TS. Cao Tuấn Khanh/Kinh tế 4. PGS,TS Nguyễn Hoàng Long/Kinh tế và quản lý
		+ Thương mại và đầu tư quốc tế (2TC)	1. PGS.TS. Doãn Kế Bôn/Kinh tế 2. TS. Lê Thị Việt Nga/ Kinh tế TG và QH KTQT 3. TS. Nguyễn Bích Thủy/Quản lý kinh tế
		+ Truyền thông và PR của doanh nghiệp (2TC)	1. GS,TS Nguyễn Bách Khoa /Kinh tế 2. PGS.TS Phan Thị Thu Hoài/Kinh tế 3. PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng/Kinh tế
		+ Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh/Kinh tế 2. TS. Lục Thị Thu Hương/Kinh tế
		+ Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	1. PGS.TS Lê Thị Kim Nhung/Tài chính 2. TS Vũ Xuân Dũng/Quản lý kinh tế 3. TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh/Quản lý kinh tế 4. TS. Nguyễn Thanh Huyền/Quản lý kinh tế
4	Kì thứ tư (24TC)	Luận văn tốt nghiệp (24TC)	

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

GS.TS Đinh Văn Sơn

**TRƯỞNG KHOA
QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**



PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân